

Số: /CT-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

CHỈ THỊ
**Về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026**

Năm 2025, tình hình thế giới biến động nhanh, phức tạp, khó lường nhiều hơn dự báo, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt; cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, đặc biệt là thay đổi đột ngột chính sách thuế quan của Mỹ, triển vọng tăng trưởng toàn cầu suy giảm¹. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, lực lượng sản xuất mới, với trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, sinh học, bán dẫn, xu thế phát triển xanh, thông minh mở ra cơ hội để các quốc gia đang phát triển. Tình hình thế giới năm 2026 dự báo tiếp tục có những thay đổi sâu sắc, ẩn chứa nhiều khó khăn, thách thức.

Ở trong nước, Chính phủ đã hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh, gọn, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh thực hiện 03 đột phá chiến lược, “bộ tứ trụ cột”² về khoa học công nghệ, hội nhập quốc tế, xây dựng, thi hành pháp luật và phát triển kinh tế tư nhân. Các tỉnh, thành phố thực hiện sắp xếp bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tạo không gian phát triển mới... Năm 2026 là năm diễn ra Đại hội lần thứ XIV của Đảng, tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, cũng là năm đầu triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 5 năm 2026-2030, bước vào Kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc, tăng trưởng hai con số ngay từ năm 2026.

Thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026, Chủ tịch UBND Thành phố chỉ thị các sở, ban, ngành, MTTQ và đơn vị trực thuộc Thành phố (sau đây gọi chung là các sở, ban, ngành), UBND xã, phường, các Tổng công ty trực thuộc Thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng ngân sách Nhà nước (NSNN) triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026, dự toán NSNN năm 2026, Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026 - 2028 với các nội dung chính sau:

¹ Tháng 3/2025, OECD hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2025 từ 3,3% xuống 3,1%; Goldman Sachs hạ dự báo tăng trưởng Mỹ năm 2025 từ 2,2% xuống 1%, Morgan Stanley hạ từ 1,9% xuống 1,5%. Tháng 4/2025, IMF hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2025 xuống còn 2,8%, thấp hơn 0,5 điểm % so với nhận định trước đó, và hạ 0,3 điểm % cho tăng trưởng năm 2026, xuống còn 3%; hạ dự báo tăng trưởng GDP của Mỹ xuống còn 1,8% trong năm 2025, giảm 0,9 điểm phần trăm so với dự báo trước đó, đồng thời thấp hơn đáng kể mức 2,8% của năm 2024.

² Các nghị quyết số: 57-NQ/TW về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân

A. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2026

I. Yêu cầu

1. Đánh giá Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo các Nghị quyết, Kết luận của Thành ủy, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Quyết định giao kế hoạch, Chương trình hành động của UBND Thành phố, Chỉ thị của Chủ tịch UBND Thành phố.

Đối với các xã, phường mới: Khái quát đặc điểm (kết quả, hạn chế) về phát triển các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

b) Đánh giá đúng thực chất, bảo đảm khách quan, trung thực, sát thực tiễn và có so sánh với kết quả thực hiện của năm 2024 (so với vùng đồng bằng sông Hồng, cả nước nếu có) về tình hình thực hiện Kế hoạch năm 2025, bao gồm: các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH 06 tháng, ước thực hiện cả năm 2025; phân tích, đánh giá các kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, phân tích kỹ nguyên nhân chủ quan và khách quan; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá trong những tháng cuối năm để thực hiện thành công Kế hoạch năm 2025.

2. Xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026

a) Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, thực chất kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 và dự báo tình hình thế giới, trong nước ảnh hưởng đối với phát triển kinh tế xã hội các ngành, lĩnh vực và cấp xã; phân tích, dự báo, chủ động các phương án, giải pháp đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng hai con số.

b) Mục tiêu, định hướng và giải pháp phải bám sát, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ và các chỉ đạo của Tổng Bí thư, Thủ tướng Chính phủ, yêu cầu tăng trưởng đạt hai con số từ năm 2026; bảo đảm “*rõ việc - rõ người - rõ trách nhiệm, thẩm quyền - rõ thời gian - rõ kết quả*” và lượng hóa được.

c) Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực phải phù hợp với quy hoạch và phấn đấu đạt mục tiêu theo Quy hoạch Thủ đô; phù hợp với điều kiện thực tiễn, trình độ phát triển của từng ngành, lĩnh vực; kế thừa những thành quả đạt được, có đổi mới, tiếp cận xu hướng phát triển chung của thế giới, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển KTXH.

d) Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách phải: (i) Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; (ii) Bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành, phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) Bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ; (iv) Bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) Phù hợp với thông lệ.

Trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải có định nghĩa, khái niệm, phương pháp tính rõ ràng, phù hợp với quy định;

đảm bảo tính chính xác, đồng bộ, thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi cả nước, phục vụ công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch; bảo đảm nguồn lực thực hiện trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

e) Kế hoạch của các xã, phường phải: Phù hợp với định hướng quy hoạch, phù hợp với điều kiện thực tiễn, trình độ phát triển của địa phương đồng thời kế thừa những thành quả đạt được giai đoạn trước; triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã/ phường mình và góp phần thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Thành phố.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch

Xây dựng hệ thống chỉ tiêu Kế hoạch và báo cáo định kỳ tháng, quý, năm về kết quả thực hiện chỉ tiêu Kế hoạch thực hiện trên môi trường mạng qua: Hệ thống thông tin báo cáo của Thành phố phục vụ chỉ đạo, điều hành và Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tập trung của Thành phố.

II. Nội dung chủ yếu của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026

Các sở, ban ngành và UBND xã, phường căn cứ yêu cầu tại mục I phần A, dự thảo Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 với các nội dung chủ yếu:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025

Trên cơ sở tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch cập nhật đến thời điểm báo cáo, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tổ chức đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 trong ngành, lĩnh vực:

a) *Các sở, ban, ngành:* Đánh giá theo các nghị quyết của HĐND Thành phố: Số 58/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025; số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp Thành phố năm 2025; số 14/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 về bổ sung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên; Quyết định của UBND Thành phố số 6336/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển KTXH và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025; Chương trình hành động số 04/CTr-UBND ngày 14/02/2025 về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH, dự toán NSNN và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2025; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 28/3/2025 về việc giao các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm, đột phá để quyết tâm đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2025 của Thành phố đạt 8% trở lên; các chỉ đạo của UBND Thành phố và kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; trong đó, báo cáo đầy đủ việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao (Biểu chỉ tiêu chủ yếu tại *Phụ lục 01*).

b) *UBND các xã, phường mới:* Khái quát đặc điểm hiện tại (kết quả, hạn chế) về diện tích, dân số, các nhóm dân cư (tổ dân phố, làng, thôn...); thực trạng phát triển giáo dục, y tế; vấn đề an sinh, trật tự an toàn xã hội; thực trạng sản xuất, kinh doanh (doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh), thu, chi ngân sách; xây dựng đô thị, nông thôn mới; sử dụng tài nguyên, đất đai, bảo vệ môi trường... (Biểu chỉ tiêu chủ yếu tại *Phụ lục 02*).

2. Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026

Các sở, ban, ngành và UBND xã, phường nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch năm 2026, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Bối cảnh kế hoạch phát triển KTXH năm 2026, nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh quốc tế, trong nước tác động trực tiếp thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực, địa phương.

b) Mục tiêu tổng quát phát triển KTXH năm 2026.

c) Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương (*Phụ lục 01*); lưu ý các cân đối lớn và mục tiêu tăng trưởng 2 con số.

d) Đề xuất nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch năm 2026 (*Phụ lục 03*), trong đó xác định các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 03 đột phá chiến lược, bốn trụ cột về khoa học công nghệ, hội nhập quốc tế, xây dựng, thi hành pháp luật và phát triển kinh tế tư nhân..., cụ thể:

- Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về: Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân; phát huy tối đa và làm mới các động lực truyền thống (đầu tư công; đầu tư tư nhân; các ngành, lĩnh vực kinh tế có thế mạnh; thúc đẩy tiêu dùng, thu hút khách du lịch; đẩy mạnh xuất khẩu); thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới; cơ cấu lại các ngành kinh tế, hình thành các mô hình kinh tế mới...

- Tiếp tục đổi mới mô hình quản trị theo hướng hiện đại; xây dựng và hoàn thiện tổ chức, bộ máy tinh, gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi và tăng cường kiểm tra, giám sát; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, có khát vọng vươn lên, khát vọng phát triển; bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

- Triển khai thực hiện Luật Thủ đô 2024; tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển KTXH theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; xóa bỏ các điểm nghẽn nhằm tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thu hút mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển; cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết, tạo môi trường thông thoáng cho đầu tư, kinh doanh.

- Thúc đẩy xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội đồng bộ, hiện đại, liên thông; hạ tầng số, cơ sở dữ liệu.

- Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển; ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục.

- Đảm bảo an sinh, nâng cao phúc lợi xã hội, chính sách với người có công; chăm sóc sức khỏe người dân.

- Bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự xã hội; kiểm soát, giảm số vụ tai nạn giao thông, cháy, nổ.

- Tích cực, chủ động hợp tác phát triển với các tỉnh, thành phố trong cả nước và hội nhập quốc tế.

B. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2026, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 3 NĂM 2026-2028

I. DỰ TOÁN NSNN NĂM 2026

Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc Thành phố, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan tập trung xây dựng dự toán bám sát mục tiêu phát triển KTXH của địa phương, dự toán ngân sách địa phương (NSDP) năm 2026 đảm bảo cân đối đủ nguồn lực để thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền ban hành; ưu tiên nguồn cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

1. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước

Dự toán thu NSNN năm 2026 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời các nguồn thu của NSNN, tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về ngân sách, thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước. Tăng cường công tác quản lý, chống thất thu; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế. Cơ quan thuế, hải quan chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính, nông nghiệp và môi trường, UBND cấp xã và các đơn vị liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách với yêu cầu tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu ngân sách phát sinh mới trên địa bàn. Cập nhật cơ chế mới trong quản lý nguồn thu được cấp có thẩm quyền ban hành, nhất là cơ chế điều tiết các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và NSDP.

Phân đầu dự toán thu nội địa năm 2026 (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước) bình quân tăng khoảng 10-12% so với đánh giá ước thực hiện năm 2025 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách), mức tăng trưởng tại từng địa phương phù hợp với tăng trưởng kinh tế và nguồn thu phát sinh tại từng địa phương. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2026 tăng bình quân khoảng 5 - 7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2025.

Toàn bộ số thu từ xử lý, khai thác tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (bao gồm cả thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng), thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp sau khi trừ đi các chi phí có liên quan theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đối với dự toán chi ngân sách địa phương

Các sở, ban, ngành Thành phố và UBND cấp xã xây dựng dự toán chi NSNN năm 2026 đảm bảo các quy định của pháp luật; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSNN (nếu có); đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách gắn với việc đẩy

mạnh sắp xếp lại tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp theo các Nghị quyết và Kết luận của Trung ương và Bộ Chính trị; ưu tiên thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị. Trong đó:

- Tổng hợp riêng chi các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 66-NQ/TW - gồm cả chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên.

- Cần cụ thể hóa mức kinh phí bố trí các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chi công tác xây dựng pháp luật (cả chi đầu tư và chi thường xuyên) theo chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với từng lĩnh vực.

Quản triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN; xây dựng dự toán sát khả năng thực hiện, hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau. Chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lắp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2026. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; xác định các khoản giảm chi thường xuyên và chi đầu tư gắn với việc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc cho chủ trương.

Căn cứ dự toán chi cân đối NSDP năm 2026; trên cơ sở định hướng mục tiêu của kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026 - 2030 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2026 của địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSNN (nếu có) và các chế độ, chính sách do Trung ương, Thành phố ban hành theo thẩm quyền, UBND cấp xã chủ động xây dựng dự toán chi NSDP, chi tiết từng lĩnh vực chi theo đúng chủ trương của Đảng và pháp luật của nhà nước.

Trong đó, lưu ý một số nội dung sau:

2.1. Đối với chi đầu tư phát triển

Bám sát các mục tiêu, định hướng phát triển tại Chiến lược phát triển KTXH, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026 – 2030, định hướng xây dựng Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 – 2030 của quốc gia và Thành phố, Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, các quy hoạch quốc gia, ngành, lĩnh vực, vùng giai đoạn 2021 – 2030 và các quy hoạch Thủ đô đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 của HĐND Thành phố về định hướng Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2026-2030 thành phố Hà Nội.

Xây dựng kế hoạch phải phù hợp với quy định của pháp luật, khả năng cân đối của NSNN trong năm; Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2026 bố trí cho các nhiệm vụ, dự án phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân của từng dự án.

2.2. Đối với chi thường xuyên

Trong xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2026, yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc Thành phố và UBND cấp xã lưu ý một số nội dung sau:

- Đảm bảo điều kiện tốt nhất để tổ chức bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2030 và bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI; thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức, sắp xếp, tinh gọn bộ máy; thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, kiên quyết cắt giảm các khoản chi thường xuyên không thực sự cần thiết, cấp bách.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng dự toán chi thường xuyên gắn việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy trên cơ sở định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII, các chỉ đạo của Trung ương, Thành phố và các văn bản pháp luật, văn bản hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào chế độ tiền lương, lương hưu, trợ cấp đối với người có công, các chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định thực hiện trong năm 2025, rà soát, lập dự toán cho năm 2026, chi tiết quỹ lương, các khoản đóng góp, các chính sách, chế độ chi cho con người, kèm theo mức tăng, giảm cụ thể; các kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế (nếu có).

2.3. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia

Căn cứ chủ trương đầu tư từng chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện trong giai đoạn 2026 – 2030, các quy định có liên quan và hướng dẫn của các bộ chủ chương trình, các cơ quan được giao chủ quản chương trình tại Thành phố xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương (bao gồm chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) năm 2026 thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia theo phân cấp, chi tiết theo từng cơ quan, đơn vị và xã, phường, theo từng nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần (kèm theo thuyết minh chi tiết) theo quy định.

2.4. Việc xây dựng dự toán số bội chi/bội thu, kế hoạch vay, trả nợ gốc và trả nợ lãi, phí của NSDP thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của việc vay nợ NSDP, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển, đánh giá lựa chọn nguồn vốn vay phù hợp và khả năng trả nợ trong trung hạn của NSDP trước khi đề xuất các khoản vay mới.

2.6. Về chi NSNN cho các doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện theo pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2026-2028

Trên cơ sở dự thảo các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; các Nghị quyết và Kết luận của Trung ương và Bộ Chính trị về cơ cấu lại

ngân sách, nợ công, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập, cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; căn cứ pháp luật về NSNN, đầu tư công, nợ công và quy định của pháp luật có liên quan, định hướng Kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2026-2030 của Thành phố trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định:

(1) *Chi cục Thuế khu vực I, Chi cục Hải quan khu vực I* xây dựng kế hoạch thu ngân sách 03 năm 2026-2028 gửi Sở Tài chính để tổng hợp.

(2) *Các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc Thành phố* thực hiện lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026 - 2028 thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính để tổng hợp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017.

(3) *UBND các xã, phường* xây dựng kế hoạch chi tiết, đề xuất số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách xã, phường trong thời gian 03 năm 2026 - 2028, chi tiết theo từng năm và từng nhiệm vụ, chương trình, dự án, gửi Sở Tài chính để tổng hợp.

(4) *Sở Tài chính* triển khai xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026 - 2028 của Thành phố trên cơ sở tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch thu chi NSNN 03 năm 2026 - 2028 do Chi cục Thuế khu vực I, Chi cục Hải quan khu vực I và các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc Thành phố, UBND các xã, phường xây dựng.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban ngành:

a) Hướng dẫn và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 của ngành mình; hướng dẫn và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng Dự toán NSNN năm 2026, Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028 và Kế hoạch đầu tư công năm 2026 của đơn vị mình, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo đúng quy định và hướng dẫn của Sở Tài chính.

b) Căn cứ các Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ NSNN của các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước của Thành phố, biên chế hội quản chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Thành phố, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, MTTQ và đơn vị trực thuộc Thành phố và UBND các xã, phường khẩn trương xác định biên chế năm 2026, các năm 2027 - 2028 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội thuộc phạm vi quản lý gắn với việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy làm cơ sở đề xuất dự toán NSNN năm 2026, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026 - 2028, gửi cơ quan tài chính các cấp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo quy định của Luật NSNN.

c) Cập nhật bộ chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ về KTXH phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND Thành phố.

2. UBND các xã, phường:

a) Chỉ đạo phòng chuyên môn xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 của địa phương mình gửi các sở, ngành chuyên môn và tổng hợp theo hướng dẫn của Sở Tài chính; hướng dẫn và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng Dự toán NSNN năm 2026, Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028 và Kế hoạch đầu tư công năm 2026, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo đúng quy định và hướng dẫn của Sở Tài chính.

b) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phát triển KTXH để theo dõi, đánh giá quá trình thực hiện.

3. Chi cục Thống kê thành phố Hà Nội: Cung cấp số liệu GRDP chi tiết các ngành của Thành phố theo các quý và năm 2025; hệ thống số liệu thống kê cấp tỉnh để phục vụ xây dựng kịch bản tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu phát triển năm 2026.

4. Sở Tài chính:

a) Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công để hướng dẫn cụ thể về nội dung, hệ thống chỉ tiêu (cấp Thành phố và cấp xã) và tiến độ xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026; Xây dựng Đề cương báo cáo "Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 của Thành phố"; xây dựng Dự toán NSNN năm 2026, Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028 và Kế hoạch đầu tư công năm 2026.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành tính toán, xây dựng các phương án tăng trưởng kinh tế năm 2026, tổng hợp các cân đối lớn và tổng hợp dự thảo Báo cáo "Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 của Thành phố" gửi UBND Thành phố.

5. Các Tổng công ty nhà nước trực thuộc Thành phố: Báo cáo Kế hoạch sản xuất và kinh doanh năm 2026 của đơn vị cho các cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Chủ tịch UBND Thành phố yêu cầu Giám đốc các sở, ban ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc các Tổng Công ty nhà nước; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng NSNN có trách nhiệm tổ chức thực hiện Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Các sở, ban ngành, Tổng Cty, hội, đoàn thể TP;
- UBND các xã, phường;
- VPUB: CVP, các PCVP, các PCM;
- Lưu: VT, KT_{Phg}.

39469

CHỦ TỊCH

Trần Sỹ Thanh

Phụ lục 01: Chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 (Đối với sở, ban, ngành)
(Kèm theo Chỉ thị số /CT-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND Thành phố)

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2025	Quý I	Quý II	Ước 6T	Ước 2025	KH 2026-2030	KH 2026	Ghi chú
A	NHÓM CHỈ TIÊU KINH TẾ									
1	Tăng trưởng GRDP	%	8,00							
1.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	3,10							
1.2	Công nghiệp và Xây dựng	%	7,72							
-	Công nghiệp	%	7,02							
-	Xây dựng	%	8,85							
1.3	Dịch vụ	%	8,58							
-	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	%	8,79							
-	Vận tải kho bãi	%	7,86							
-	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	9,07							
-	Thông tin và truyền thông	%	7,67							
-	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	7,94							
-	Hoạt động kinh doanh bất động sản	%	6,78							
-	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	%	8,17							
-	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	%	18,20							
-	Hoạt động của ĐCS, tổ chức CT-XH, quản lý nhà nước, ANQP; bảo đảm XH bắt buộc	%	10,00							
-	Giáo dục và đào tạo	%	8,26							
-	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	%	6,90							
-	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	%	10,54							
-	Hoạt động dịch vụ khác	%	3,54							
-	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ GD, sản xuất SP vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ GD	%	7,40							
1.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	5,66							
2	GRDP/ người	Tr. đồng	175,0							
3	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn (giá h.h.)	Tỷ đồng	622,7							
-	Tăng trưởng	%	13,5							
4	Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá	Triệu USD	20.470							
-	Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tăng	%	7,0							

[illegible]

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2025	Quý I	Quý II	Ước 6T	Ước 2025	KH 2026-2030	KH 2026	Ghi chú
-	Khu vực đô thị	%	100							
-	Khu vực nông thôn	%	95-100							
22	Xử lý ô nhiễm môi trường									
22.1	Tỷ lệ CCN có trạm XLNT đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng									
-	Với CCN xây dựng mới	%	100							
-	Với CCN, CCN làng nghề đã đi vào hoạt động	%	100							
22.2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	100							
22.3	Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường	%	100							
22.4	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý	%	50-55							
23	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	20							
24	Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM									
-	Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM nâng cao tăng thêm	xã	35							
-	Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM kiểu mẫu tăng thêm	xã	29							
25	Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm									
-	Tổng số nhà ở xã hội hoàn thành	căn	4.670							
-	Tổng số diện tích nhà ở xã hội hoàn thành	1.000 m2	264							

* *Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các sở, ngành bổ sung chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 phù hợp với Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XVIII của Đảng bộ Thành phố và chỉ đạo của Trung ương*

Phụ lục 02: Chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 (Đối với xã, phường)
(Kèm theo Chỉ thị số /CT-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND Thành phố)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Dự kiến 6.T 2025	Dự kiến 2025	Dự kiến KH 2026-2030	KH 2026	Ghi chú
I	Phát triển kinh tế						
1	Thu ngân sách trên địa bàn						
2	Thu nhập bình quân/người/tháng						
3	Tổng GTSX trên địa bàn						
4	Doanh thu bán lẻ hàng hóa						
5	Số doanh nghiệp hoạt động/ nghìn dân						
6	Số doanh nghiệp thành lập mới/ nghìn dân						
II	Phát triển văn hóa, xã hội						
7	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng						
8	Tỷ lệ bao phủ BHYT						
9	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH bắt buộc/ lực lượng lao động						
10	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH tự nguyện/ lực lượng lao động						
11	Tỷ lệ lao động tham gia BHTN bắt buộc/ lực lượng lao động						
12	Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới của Thành phố						
13	Tỷ lệ hộ cận nghèo theo tiêu chí mới của Thành phố						
14	Số người được giải quyết việc làm hàng năm						
15	Tỷ lệ trường công lập (MN, TH, THCS) đạt chuẩn quốc gia						
III	Phát triển đô thị, nông thôn và môi trường						
16	Tỷ lệ hộ dân được tiếp cận nước sạch						
17	Số tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao/ kiểu mẫu						
18	Số tiêu chí phường đạt chuẩn văn minh đô thị						
19	Tỷ lệ rác thải được phân loại, thu gom và vận chuyển trong ngày						

Phụ lục 03: Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026**Của (Sở, ban, ngành, UBND xã, phường)***(Kèm theo Chỉ thị số /CT-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND Thành phố)*

T T	Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo UBND TP chỉ đạo	Cấp trình	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
1	...						
2	...						
3	...						
...	...						
...	...						